

Số: 08/2018/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 04 tháng 4 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Điều lệ về tổ chức và hoạt động của**  
**Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Sơn La**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;*

*Căn cứ Nghị định 147/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;*

*Căn cứ Thông tư số 85/TT-BTC ngày 25/5/2012 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ bảo vệ và phát triển rừng;*

*Căn cứ Thông tư số 22/2017/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về hướng dẫn một số nội dung thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;*

*Căn cứ Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BTC ngày 17/01/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng;*

*Căn cứ Quyết định số 111/2008/QĐ-BNN ngày 18/11/2008 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng tại Tờ trình số 12/TTr-QBV&PTR ngày 20 tháng 3 năm 2018.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Sơn La”.

## **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2018, thay thế Quyết định số 14/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc ban hành Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Sơn La.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam;
- Thường trực tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL.-Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo VP, CVCK, TT Thông tin;
- Lưu: VT, KT(1). Phu(30b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Cầm Ngọc Minh**

## ĐIỀU LỆ

Về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Sơn La  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND  
ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh Sơn La)

### Chương I

## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, hoạt động và nguồn tài chính của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Sơn La theo quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 05/2008/NĐ-CP) và các quy định khác của pháp luật.

### Điều 2. Địa vị pháp lý của Quỹ

1. Quỹ Bảo vệ phát triển rừng tỉnh Sơn La (sau đây gọi tắt là Quỹ) là quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách; tổ chức, hoạt động theo loại hình đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc UBND tỉnh Sơn La.
2. Trụ sở của Quỹ đặt tại: Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.
3. Tên gọi của Quỹ: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Sơn La.
4. Tên giao dịch quốc tế: Sơn La Forest Protection and Development Fund. Viết tắt là: SL.PFPDF.
5. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng và Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

### Điều 3. Mục đích và nguyên tắc hoạt động của Quỹ

1. Mục đích thành lập Quỹ theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP; Điều 13 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.
2. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP; Điều 5 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

## **Chương II**

### **CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ**

#### **Điều 4. Chức năng**

1. Tiếp nhận vốn ngân sách, vốn tài trợ, viện trợ; huy động các nguồn vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn uỷ thác từ các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động theo hợp đồng uỷ thác.

3. Tiếp nhận và quản lý các khoản đóng góp bắt buộc theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Thực hiện hỗ trợ vốn cho các chương trình, dự án, hoạt động phi dự án theo quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP của Chính phủ..

5. Tiếp nhận và thực hiện việc chi trả dịch vụ môi trường rừng.

#### **Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn**

##### **1. Nhiệm vụ**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP; Điều 17 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và các quy định khác của pháp luật.

##### **2. Quyền hạn**

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật.

## **Chương III**

### **NGUỒN VỐN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

#### **Điều 6. Nguồn tài chính hình thành Quỹ**

Thực hiện theo Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP và từ việc chi trả dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ.

#### **Điều 7. Đối tượng và nội dung được hỗ trợ**

Đối tượng nội dung được hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ.

#### **Điều 8. Điều kiện được hỗ trợ**

1. Chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án phù hợp với nội dung được hỗ trợ quy định tại Khoản 2, Điều 12 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP và được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Tổ chức có đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn về lâm nghiệp và kinh nghiệm thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án thực hiện bảo vệ và phát triển rừng.

3. Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, bản được hỗ trợ có đủ năng lực dân sự thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án do Quỹ hỗ trợ.

4. Có cam kết hoàn trả toàn bộ hoặc một phần vốn nếu nguồn hỗ trợ có điều kiện phải hoàn trả.

#### **Điều 9. Phương thức hỗ trợ tài chính của Quỹ**

1. Hỗ trợ không hoàn lại toàn phần hoặc một phần vốn cho việc thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án theo quy định tại Khoản 2, Điều 12 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể trình tự, thủ tục, đối tượng được hỗ trợ không hoàn lại toàn phần hoặc một phần vốn tùy theo từng loại chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án; quy định mức hỗ trợ, thời gian hoàn trả khoản hỗ trợ, các trường hợp được xét miễn, giảm khoản kinh phí phải hoàn trả theo đề nghị của Quỹ.

#### **Điều 10. Nhận ủy thác và ủy thác**

##### **1. Nhận ủy thác**

a) Quỹ được nhận ủy thác tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo hợp đồng nhận ủy thác theo quy định của pháp luật.

b) Quỹ được hưởng mức phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí dịch vụ nhận ủy thác do các bên thỏa thuận và ghi trong hợp đồng nhận ủy thác.

c) Quỹ tiếp nhận ủy thác tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP và Nghị định số 147/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

##### **2. Ủy thác**

a) Quỹ được quyền ủy thác cho các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính thực hiện các nội dung ủy thác theo hợp đồng ủy thác theo quy định của pháp luật.

b) Các tổ chức nhận ủy thác được hưởng mức phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí dịch vụ nhận ủy thác do các bên thỏa thuận và ghi trong hợp đồng ủy thác.

### **Chương IV**

### **TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA QUỸ**

#### **Điều 11. Cơ cấu tổ chức**

Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm: Hội đồng quản lý quỹ, Ban Kiểm soát và Bộ máy quản lý điều hành Quỹ.

## **Điều 12. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản lý quỹ**

1. Hội đồng quản lý quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La quyết định thành lập gồm 07 thành viên: Chủ tịch Hội đồng, 03 Phó Chủ tịch Hội đồng và các ủy viên Hội đồng. Các thành viên Hội đồng hoạt động bán chuyên trách. Riêng Giám đốc Quỹ làm việc chuyên trách.

- Chủ tịch Hội đồng là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn la, phụ trách khối nông, lâm nghiệp.

- Phó Chủ tịch thường trực là Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh.

- Phó Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, lãnh đạo Sở Tài chính.

- Thành viên Hội đồng: là lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương; Cục Thuế tỉnh.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ, Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng của Quỹ không được bố trí vợ, chồng, mẹ, con, anh, chị em ruột của mình giữ chức vụ lãnh đạo về tổ chức nhân sự, kế toán - tài vụ, thủ quỹ của Quỹ.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý quỹ thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

## **Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý quỹ**

1. Tổ chức tiếp nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn ngân sách và các nguồn lực do Nhà nước giao cho Quỹ để thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước giao hoặc đặt hàng.

2. Được sử dụng con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý.

3. Ban hành các quy chế hoạt động và một số quy định có liên quan phục vụ hoạt động của Quỹ.

4. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Ban Kiểm soát theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát.

5. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân cấp, điều chỉnh phân cấp giữa Hội đồng quản lý quỹ và Giám đốc quỹ trong việc quyết định hỗ trợ đầu tư.

6. Thông qua kế hoạch và thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ.

7. Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật.

8. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm khác theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh nhưng không được trái với quy định của Nghị định số 05/2008/NĐ-CP của Chính phủ.

#### **Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ**

1. Thay mặt Hội đồng quản lý quỹ, cùng Giám đốc quỹ ký nhận các nguồn vốn và nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ.

2. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng quản lý quỹ theo quy định tại Điều 13 Điều lệ này.

3. Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý quỹ; có quyền huỷ bỏ các quyết định của Giám đốc quỹ trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý quỹ và pháp luật.

4. Thay mặt Hội đồng quản lý quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý quỹ.

5. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý uỷ quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc cho thành viên Hội đồng quản lý quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được uỷ quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ về các công việc được uỷ quyền.

6. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 15. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý quỹ**

1. Hội đồng quản lý quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ tối thiểu 3 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý quỹ. Khi cần thiết, Hội đồng quản lý quỹ có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ, hoặc theo đề nghị của Giám đốc quỹ hoặc Trưởng Ban Kiểm soát, sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ chấp thuận.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng tham dự. Thành viên Hội đồng quản lý quỹ vắng mặt phải thông báo lý do vắng bằng văn bản. Cuộc họp do Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ hoặc một thành viên khác được Chủ tịch uỷ quyền trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt làm chủ tọa. Trong trường hợp cấp bách, việc xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý quỹ có thể được thực hiện bằng văn bản.

3. Tài liệu họp phải được chuẩn bị và gửi tới các thành viên Hội đồng quản lý tối thiểu từ 2 ngày trước ngày họp. Nội dung cuộc họp phải được ghi chép đầy đủ vào biên bản họp.

4. Hội đồng quản lý quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết ngang nhau. Các quyết định của Hội đồng quản lý quỹ có hiệu lực khi có trên 50% số thành viên trong Hội đồng có mặt biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì ý kiến theo phiếu của người chủ tọa cuộc họp là quyết định cuối cùng. Thành viên của Hội đồng quản lý có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo lên Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh.

5. Nội dung và kết luận của các cuộc họp Hội đồng quản lý quỹ phải được ghi rõ trong biên bản cuộc họp được Chủ tịch hội đồng quản lý quỹ hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ ủy quyền chủ tọa cuộc họp ký. Trong một số trường hợp đặc biệt có thể được tất cả các thành viên Hội đồng quản lý ký. Kết luận của cuộc họp được thể hiện bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý quỹ và phải được gửi tới tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý quỹ.

6. Chủ tịch Hội đồng quản lý thay mặt Hội đồng quản lý quỹ ký ban hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý quỹ và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hậu quả phát sinh từ các nghị quyết, quyết định đó. Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ có thể ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản lý ký thay.

7. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý quỹ có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ. Giám đốc quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định đó. Giám đốc có quyền đề nghị Hội đồng quản lý quỹ xem xét lại hoặc bảo lưu ý kiến và báo cáo lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, nhưng trong thời gian chưa có quyết định khác của Hội đồng quản lý quỹ hay Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì vẫn phải chấp hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý quỹ.

#### **Điều 16. Tổ chức Ban Kiểm soát quỹ**

1. Ban Kiểm soát gồm 3 thành viên, giúp Hội đồng quản lý giám sát hoạt động của bộ máy điều hành Quỹ. Ban Kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

2. Trưởng Ban Kiểm soát do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ.

3. Các thành viên khác của Ban Kiểm soát do Chủ tịch Hội đồng quản lý bổ nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát.

#### **Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát**

1. Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản lý quỹ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của bộ máy điều hành Quỹ.

2. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý quỹ chấp thuận.

3. Trưởng Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý quỹ và pháp luật về những tiêu cực, bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện, về các thiệt hại của Quỹ nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa có sự chấp thuận của Hội đồng quản lý quỹ.

4. Trường hợp đột xuất, vì lợi ích của Quỹ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát có quyền báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.



## **Điều 18. Bộ máy quản lý, điều hành**

### **1. Tổ chức, bộ máy quản lý điều hành:**

- Ban Giám đốc, gồm: Giám đốc và không quá 2 phó Giám đốc.
- Các phòng chuyên môn nghiệp vụ gồm:
  - + Phòng Tổ chức - Hành chính.
  - + Phòng Kế hoạch - Tài chính.
  - + Phòng Kỹ thuật - Kiểm tra giám sát.
- Chi nhánh Quỹ cấp huyện.

2. Bộ máy quản lý và điều hành do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ giao.

3. Lãnh đạo các phòng chuyên môn và Chi nhánh Quỹ của bộ máy điều hành do Giám đốc Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng và kỷ luật theo quy định của pháp luật hiện hành và phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ của tỉnh.

4. Lãnh đạo của bộ máy điều hành, viên chức và người lao động làm nhiệm vụ chuyên môn, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

5. Việc tuyển dụng, quản lý sử dụng, thực hiện chế độ chính sách đối với công chức, viên chức, người lao động của Quỹ thực hiện theo Điều lệ Quỹ, Quy chế hoạt động của Quỹ, phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ của tỉnh và theo quy định của pháp luật.

## **Điều 19. Nhiệm vụ và quyền hạn Giám đốc quỹ**

1. Giám đốc quỹ là thành viên Hội đồng quản lý quỹ, là người đại diện trước pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý quỹ, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ. Giám đốc Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

2. Giám đốc Quỹ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Đại diện của Quỹ trước pháp luật trong các hoạt động tố tụng, tranh chấp, giải quyết những vấn đề thuộc phạm vi điều hành tác nghiệp của Quỹ.

b) Xây dựng phương hướng hoạt động, kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm; xây dựng kế hoạch huy động vốn, kế hoạch tài chính trình Hội đồng quản lý quỹ thông qua.

c) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được duyệt và các hoạt động khác của Quỹ phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan.

d) Căn cứ quy chế hoạt động nghiệp vụ của Hội đồng quản lý quỹ, ban hành quy trình nghiệp vụ hoạt động của Quỹ.

d) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về các hoạt động của Quỹ với Hội đồng quản lý quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm Phó Giám đốc, kế toán trưởng quỹ. Đề nghị Hội đồng quản lý quỹ quyết định chủ trương bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật công chức, viên chức, lao động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

f) Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác của Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh, hoặc Hội đồng quản lý quỹ ủy nhiệm nhưng không trái với quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP và quy định của pháp luật.

g) Trực tiếp quản lý, điều hành tổ chức bộ máy, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật theo phân cấp và quy định của pháp luật hiện hành.

h) Quản lý tài sản, tài chính và tổ chức triển khai thực hiện chính sách liên quan đến công chức, viên chức và người lao động theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

#### **Điều 20. Phó Giám đốc**

- Giúp Giám đốc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ theo phân công và ủy quyền của Giám đốc. Trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực nghiệp vụ được phân công. Phó giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ và trước pháp luật về phần việc được Giám đốc phân công phụ trách.

- Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ của tỉnh.

#### **Điều 21. Kế toán trưởng**

- Kế toán trưởng giúp việc cho Giám đốc quỹ, có trách nhiệm quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán và các văn bản quy định có liên quan. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ và trước pháp luật về phần việc được Giám đốc phân công phụ trách.

- Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Kế toán trưởng Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ của tỉnh.

#### **Điều 22. Kinh phí hoạt động, chế độ lương, phụ cấp của Hội đồng quản lý quỹ, Ban kiểm soát quỹ và Bộ máy quản lý, điều hành Quỹ**

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý quỹ, Ban kiểm soát quỹ và Ban điều hành quỹ được tính vào chi phí quản lý của Quỹ.

2. Các thành viên chuyên trách của Hội đồng quản lý Quỹ được hưởng chế độ tiền lương, tiền thu nhập tăng thêm, tiền thưởng, tiền phụ cấp theo quy định hiện hành đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Các thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm được hưởng các khoản phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định hiện hành của nhà nước.

## **Chương V** **CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN**

### **Điều 23. Chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán**

1. Chế độ tài chính của Quỹ thực hiện theo quy định do Bộ Tài chính ban hành và các quy định của Nhà nước.
2. Chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.
3. Chế độ kiểm toán thực hiện theo quy định của pháp luật kiểm toán.

## **Chương VI** **XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ**

### **Điều 24. Xử lý tranh chấp**

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 25. Tổ chức lại, giải thể**

Việc tổ chức lại hoặc giải thể Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **Điều 26. Tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị thuộc Quỹ**

Việc tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị, phòng chuyên môn nghiệp vụ trực thuộc bộ máy điều hành của Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **Chương VII** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 27. Điều khoản thi hành**

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ, Ban kiểm soát quỹ, Giám đốc quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thi hành Điều lệ này.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, hoặc chưa phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật Quỹ có trách nhiệm tổng hợp đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ cho phù hợp. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Cầm Ngọc Minh